

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2017/HSST
Ngày 18/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH QUẢNG BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Phúc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hải, Cán bộ nghỉ hưu tại TT Hoàn Lão.

Bà Nguyễn Thị Thương, Cán bộ nghỉ hưu tại thị trấn Hoàn Lão.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, Cán bộ Toà án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Trần Quốc Vinh, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2017/HSST ngày 06/6/2017, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị M**, sinh ngày 26/10/1975, tại B, Quảng Bình; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Phong Nha, xã Sơn Tr, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 5/10; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; có chồng là Nguyễn Văn L, sinh năm 1974; con có 03 đứa con (đứa lớn sinh năm 1997, đứa nhỏ sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 10/02/2017 đến ngày 31/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Văn T**, sinh ngày 09/7/1981, tại B, Quảng Bình; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Nam G, xã Hưng Tr, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 8/12; con ông Lê Thanh Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 10/02/2017 đến ngày 31/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. **Hoàng Thị K**, sinh ngày 15/11/1954, tại B, Quảng Bình; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn Th, xã Thanh Tr, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá: lớp 5/10; con ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Có chồng là Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1951; con có 05 đứa (lớn

nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 10/02/2017 đến ngày 17/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có liên hệ trước với người đàn ông bán thuốc nổ, không rõ danh tính địa chỉ có số điện thoại 01252118209, trưa ngày 06/02/2017 Nguyễn Thị M điều khiển xe máy BKS 73F1-029.56 xuống xã Hủ Lê Văn T cùng đi vận chuyển thuốc nổ và được T đồng ý. Theo sự hướng dẫn của M, T điều khiển xe máy BKS 73F1-029.56 chạy theo hướng đường Hồ Chí Minh về phía thị trấn N, rẽ sang đường tránh thành phố Đồng Hới. Khi đến ngã tư đường giao thông đầu tiên của đường tránh, M bảo T rẽ phải chạy theo đường tránh hướng Bắc - Nam một đoạn rồi sang phía bên kia đường có người đàn ông bán thuốc nổ đợi sẵn rồi cả ba người cùng rẽ vào một con đường mòn cạnh đó thì dừng lại để giao dịch việc mua bán thuốc nổ. Người đàn ông chỉ chỗ bao thuốc nổ đang giấu ở gần đó có trọng lượng 44kg, là thuốc nổ loại 1, có giá 420.000 đồng/kg. M bảo T ôm bao thuốc nổ đặt lên xe máy và M trả cho người bán 18.480.000 đồng. Sau đó, T chở M và số thuốc theo hướng dẫn của M đi theo quốc lộ 1A về nhà của Hoàng Thị K ở Thanh Tr để bán lại. Sở dĩ M biết K là do tết nguyên đán 2017, M gặp K để mua mắm, cà kiệu muối gửi cho chồng M đang ở tù thì biết K có nhu cầu mua thuốc nổ bán lại kiếm lời. Khi đến nhà K, T ôm bao thuốc nổ vào đặt ở khu nhà phụ theo hướng dẫn của K. Sau đó, M và K cân bao thuốc nổ có trọng lượng 44kg, M bán cho K giá 450.000 đồng/kg, tổng số tiền mà K trả cho M là 19.800.000 đồng (M bớt cho K 200.000 đồng). Giao dịch xong M và T ra về, trên đường về M cho T 300.000 đồng.

Lần thứ hai: tối ngày 08/02/2017 M gọi điện cho người đàn ông bán thuốc nổ lần trước để hẹn mua thuốc nổ và được người đàn ông đó đồng ý. Sáng ngày 09/02/2017, M điều khiển xe máy BKS 73F1-029.56 xuống Hdon T. T chở M vào địa điểm giao dịch mua bán lần trước. Tại đây người đàn ông đã bán cho M 76kg thuốc nổ loại 2, giá 310.000 đồng. M trả cho người bán thuốc nổ số tiền 23.560.000 đồng. Sau đó T chở M về nhà K để bán lại. Khi đến nhà K, T ôm 1 bao, K kéo 01 bao thuốc nổ để trong nhà phụ rồi M và K cùng cân. Tổng trọng lượng của 02 bao thuốc nổ là 74kg. Do M bán giá 350.000 đồng nên K xin bớt 100.000 đồng và trả cho M 26.500.000 đồng. Lần giao dịch này, M cho T 1.100.000 đồng, còn mình hưởng lợi 1.840.000 đồng.

Lần thứ ba: tối ngày 09/02/2017 M nhận được điện thoại của một người đàn ông không rõ tên tuổi từ số điện thoại 01273795673 hỏi mua thuốc nổ để sử dụng vào việc đánh cá. Nghe vậy M gọi điện cho người bán thuốc nổ lần trước và hai bên thỏa thuận sẽ mua bán 40kg thuốc nổ loại 1 với giá 450.000 đồng/kg. Sáng ngày 10/02/2017, T điều khiển xe máy BKS 73F1-029.56 chở M đến địa

điểm giao dịch của hai lần trước để mua thuốc nổ. Do đã có thỏa thuận từ trước nên M trả cho người đàn ông bán thuốc nổ 18.000.000 đồng. Sau đó, T chở M và bao thuốc nổ ra Thanh Tr để bán lại cho người đàn ông nói trên thì bị Công an huyện B bắt quả tang.

Ngày 10/02/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện B đã khám xét nhà bà K và thu giữ toàn bộ 118kg thuốc nổ dạng chất rắn mà M đã bán cho K trong hai ngày 06/02/2017 và 09/02/2017. Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ tại nhà K 12kg hỗn hợp bột đất và thuốc nổ. Qua đấu tranh, K khai nhận số thuốc nổ mua của M mục đích tìm người bán lại kiếm lời.

Tại bản kết luận giám định số 1059/C54 - P2 ngày 20/3/2017 của Viện khoa học Bộ Công an kết luận: “Các mẫu chất rắn gửi giám định đều là hỗn hợp thuốc nổ và còn sử dụng được. Mẫu chất bột gửi giám định là hỗn hợp gồm nhiều tạp chất thành phần chính gồm thuốc Trinito Toluen và bột nhôm. Không đủ điều kiện để kết luận hỗn hợp này có nổ được hay không do lẫn nhiều tạp chất”.

Vật chứng vụ án: Thu giữ 158kg thuốc nổ dạng chất rắn, 12kg chất bột màu xám, hiện đã được chuyển giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình để xử lý tiêu hủy theo thẩm quyền; Thu giữ 02 điện thoại di động J5, hiệu Sam sung, màu đồng và số tiền 9.400.000 đồng hiện chưa xử lý. Thu giữ và trả lại 01 xe máy BKS 73F1-029.56 cho chị Nguyễn Thị Thuyết.

Tại bản Cáo trạng số 40/THQCT-KSĐT ngày 06/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị M, Lê Văn T về tội “Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” theo điểm a khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Hoàng Thị K về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ” theo điểm a khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 232; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Lê Văn T được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo Hoàng Thị K được áp dụng thêm Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thị M từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; Lê Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; Hoàng Thị K từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Hướng xử lý vật chứng của vụ án.

Ý kiến của các bị cáo Nguyễn Thị M, Lê Văn T và Hoàng Thị K thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của đại diện viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Thị M, Lê Văn T và Hoàng Thị K đã khai nhận: ngày 06/02/2017 Nguyễn Thị M mua 44kg thuốc nổ dạng chất rắn với số tiền 18.400.000 đồng rồi cùng Lê Văn T vận chuyển về bán lại cho Hoàng Thị K với số tiền là 19.800.000 đồng. Ngày 09/02/2017, T điều khiển xe mô tô chở M đi mua 74kg thuốc nổ với số tiền 23.560.000 đồng về bán lại cho Hoàng Thị K với giá 26.500.000 đồng. Sáng 10/02/2017 M cùng T đi mua 40kg thuốc nổ loại 1 với số tiền 18.000.000 đồng với mục đích bán kiếm tiền lời, trên đường vận chuyển thì bị cơ quan điều tra bắt quả tang. Quá trình điều tra đã thu giữ 158kg thuốc nổ, trong đó thu giữ tại nhà Hoàng Thị K là 118kg. Số tiền thu lợi bất chính mà M thu được từ việc bán thuốc nổ là 4.060.000 đồng, trong đó M cho T 1.400.000 đồng còn M được 2.660.000 đồng. Xét lời khai nhận của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện B lập lúc 07h ngày 10/2/2017; phù hợp với kết luận giám định số 1059/C54-P2 ngày 20/3/2017 của Viện khoa học hình sự; phù hợp với lời trình bày của người làm chứng cũng như phù hợp với vật chứng thu giữ và các T liệu chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án được xét hỏi tranh luận tại phiên tòa. Như vậy các bị cáo đều biết rõ hành vi vận chuyển, tàng trữ và mua bán thuốc nổ trái phép là vi phạm pháp luật nhưng do háo lợi nên các bị cáo đã thực hiện. Do đó có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thị M, Lê Văn T phạm tội “Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”, bị cáo Hoàng Thị K phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại Điều 232 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo phạm tội có số lượng lớn trên 70 kg thuốc nổ vì vậy cần xét xử và xử phạt các bị cáo theo khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung, đúng như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội. Không những xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về tàng trữ, vận chuyển, mua bán vật liệu nổ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân. Vì vậy cần xét xử các bị cáo nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Xét quá trình nhân thân, hành vi, mức độ và hậu quả phạm tội của từng bị cáo gây ra thấy rằng:

Đối với Nguyễn Thị M là người đã trưởng thành, có gia đình, có sự hiểu biết nhất định và đủ khả năng nhận thức được vật liệu nổ là một trong những nguồn nguy hiểm cao độ, việc mua bán, vận chuyển có thể dẫn đến thiệt hại tính mạng, sức khỏe con người, xâm hại đến an ninh Quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Nhưng bị cáo vẫn thực hiện với vai trò là người khởi xướng và tích cực, chủ động thực hiện hành vi phạm tội từ việc liên lạc và trực tiếp mua, bán thuốc nổ và cũng chính là người rủ Lê Văn T cùng đi vận chuyển thuốc nổ về bán cho bị cáo K nhằm mục đích kiếm tiền chênh lệch. Điều này thể hiện bị cáo là người chịu trách nhiệm chính, nên cần phải xử lý nghiêm minh và mức án phải cao hơn so với bị cáo T và bị cáo K mới có tác dụng răn đe và làm gương cho nhiều người.

Đối với bị cáo Lê Văn T là người đã có thời gian tham gia quân đội đáng lẽ phải biết phát huy những truyền thống được rèn luyện để làm gương cho mọi người trong gia đình và thôn xóm. Ngược lại khi được bị cáo M rủ đi mua thuốc nổ bị cáo không những khuyên nhủ bị cáo M từ bỏ ý định trái pháp luật mà đã nhiệt tình hưởng ứng tham gia với vai trò giúp sức chở M đi mua và bán thuốc nổ điều đó cũng chứng tỏ bị cáo cũng là người thiếu ý thức coi thường pháp luật và sẵn sàng phạm tội khi có điều kiện. Do vậy cũng cần phải được xử lý nghiêm minh trước Pháp luật.

Đối với bị cáo Hoàng Thị K, là người lớn tuổi đã từng có thời gian dài phục vụ trong Quân đội tham gia kháng chiến, đáng lẽ bị cáo phải phát huy truyền thống để làm gương cho con cháu noi theo. Ngược lại dù biết rõ hành vi tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì chút lợi nhuận bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nên cũng cần xét xử minh nghiêm.

Các bị cáo đã ba lần thực hiện hành vi phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán tổng cộng 158kg thuốc nổ nhưng đã cộng tang số để định khung nên không cần áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 khi quyết định hình phạt cho các bị cáo. Nhưng cũng cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải. gia đình các bị cáo đều có công với đất nước được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến; bị cáo M và bị cáo T có thành tích cứu người trong lũ lụt được chính quyền xác nhận; bị cáo T đã tham gia phục vụ trong Quân đội; bị cáo K đã có thời gian phục vụ trong Quân đội tham gia kháng chiến chống M cứu nước được tặng kỷ niệm chương và được hưởng chế độ trợ cấp đối với quân nhân tham gia kháng chiến. Bởi vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cho tất cả các bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Lê Văn T được áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo K áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do ác bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử các bị cáo với mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định.

Về nguồn gốc 12kg chất bột thu giữ tại nhà Hoàng Thị K. Theo kết luận giám định của Viện khoa học hình sự chất bột nói trên là hỗn hợp gồm bột đất và thuốc nổ không đủ điều kiện để xác định hỗn hợp này có nổ được hay không. Do đó chưa đủ cơ sở để xử lý Hoàng Thị K về hành vi tàng trữ trái phép số chất bột nói trên là có cơ sở.

Đối với người đàn ông bán thuốc nổ cho Nguyễn Thị M và người đàn ông gọi điện hỏi mua thuốc nổ của bị cáo M mặc dù cơ quan An ninh điều tra Công an

tỉnh Quảng Bình đã đấu tranh, khai thác nhưng chưa xác định được danh tính, địa chỉ, cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Về vật chứng vụ án: Thu giữ 158kg thuốc nổ dạng chất rắn, 12kg chất bột màu xám, hiện đã được chuyển giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình để xử lý tiêu hủy theo thẩm quyền, nên Hội đồng xét xử không xem xét; hiện Thu giữ 02 điện thoại di động J5, hiệu Sam sung và số tiền 9.400.000. Xét thấy đối với 02 điện thoại trên là những phương tiện mà các bị cáo M và T đã dùng vào việc liên lạc để phục vụ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công. Đối với số tiền 9.400.000 đồng trong đó có số tiền 4.060.000đ là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại 5.340.000đ là T sản của bị cáo M nên cần trả lại cho bị cáo M.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị M, Lê Văn T và Hoàng Thị K phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị M, Lê Văn T phạm tội: “Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”, bị cáo Hoàng Thị K phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 232, điểm p Khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tất cả các bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Lê Văn T được áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo Hoàng Thị K được áp dụng thêm Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Thị M 3(ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 10/02/2017 đến ngày 31/3/2017).

- Lê Văn T 3(ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 10/02/2017 đến ngày 31/3/2017).

- Hoàng Thị K 03(ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 10/02/2017 đến ngày 17/3/2017).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động J5, hiệu Sam sung, màu đồng và số tiền 4.060.000 đồng. trả lại cho Nguyễn Thị M số tiền 5.340.000 đồng (các vật chứng trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2017 và Ủy nhiệm chi ngày 16/5/2017)

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc

các bị cáo Nguyễn Thị M, Lê Văn T và Hoàng Thị K phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm các bị cáo có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/9/2017) để yêu cầu toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm..

Nơi nhận:

- CA huyện B;
- VKSND huyện B (2b);
- TAND tỉnh Q.Bình;
- THADS huyện B;
- THA phạt tù
- Các bị cáo (3b);
- UBND xã Hưng T
- UBND xã Thanh Tr
- UBND xã Sơn Tr
- Sở tư pháp
- Lưu HS, TA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Phúc Nam